

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 22 - 11 - 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng
Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Đoan
Bà Nguyễn Thúy Hằng
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thanh Mai – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:*** Ông Lê Khắc Sơn -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 15/2022/HNGĐ-PT ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 36/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1977; địa chỉ: khu H, phường C, thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh; có mặt.
2. *Bị đơn:* anh Ngô Thừa H; sinh năm 1972; địa chỉ: khu H, phường C, thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh; có mặt.
3. *Kháng cáo:* Bị đơn anh Ngô Thừa H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Ngô Thừa H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1994, nhưng đến năm 1999 hai người mới làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã C, huyện Y (nay là phường C, thị xã Q), tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống: sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, mặt khác anh H thường xuyên rượu chè, chơi bời không quan tâm đến gia đình và mỗi lần uống rượu về anh H lại đập phá đồ đạc và đánh đập chị Đ, chị Đ nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, hiện tại hai người đã ly thân nhau từ khoảng tháng 01/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế, chị Đ thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: chị Đ xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (hai) con chung là Ngô Văn T, sinh năm 1995 và Ngô Thị Kim O, sinh năm 2003 (hiện tại cháu T đã chết, còn cháu O đã thành niên). Do đó, chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: chị Đ xác nhận chị và anh H tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: chị xác nhận trong quá trình chung sống chị và anh H không có nợ chung.

Bị đơn anh Ngô Thừa H trình bày:

Anh H thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chính là do anh hay uống rượu nhưng anh không đánh chị Đ mà do có lần anh uống rượu về chị Đ có đánh anh và một phần chị Đ chơi bời bỏ bê công việc, chồng con và hai người đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại khuyên giải quay về đoàn tụ nhưng chị Đ không đồng ý. Nay chị Đ xin ly hôn anh, anh không đồng ý mặc dù anh không còn tình cảm với chị Đ nữa. Anh yêu cầu trước khi ly hôn anh và chị Đ chia tài sản chung thì anh mới đồng ý ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh H xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 02 (hai) con chung là Ngô Văn T, sinh năm 1995 và Ngô Thị Kim O, sinh năm 2003 (hiện tại cháu T đã chết, còn cháu O đã thành niên). Do đó, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H xác nhận anh và chị Đ có khối tài sản chung là 01 ngôi nhà 03 tầng nằm trên diện tích đất 340m², anh yêu cầu chia đôi giá trị ngôi nhà, còn đất là tài sản riêng của bố mẹ và 09 anh, chị em anh cho anh nên anh không yêu cầu chia đất. Ngoài ra hai vợ chồng còn có số tiền chung là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) hiện chị Đ đang quản lý, anh yêu cầu chia đôi số tiền trên. Nếu chị Đ không yêu cầu chia thì anh vẫn yêu cầu chia tài sản nhưng anh không làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Anh H xác nhận trong quá trình chung sống anh và chị Đ không có nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2022 đại diện UBND phường Cộng Hòa cung cấp như sau: Anh Ngô Thừa H và chị Nguyễn Thị Đ là công dân sinh sống trên địa bàn phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, hai người tìm hiểu tự nguyện và về chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng mãi đến năm 1999 mới đến UBND phường Cộng Hòa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H hay uống rượu về nhà thì vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, nhiều lần chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả. Hiện tại hai người đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Vì thế đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: hiện tại hai đương sự có 01 con chung là Ngô Thị Kim O, sinh năm 2003 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 36/2021/HNGĐ-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xử: Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Ngô Thừa H. Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Kháng cáo: ngày 05/9/2022, bị đơn anh H kháng cáo toàn bộ bản án. Lý do: Kết luận và nội dung quyết định trong bản án chưa xem xét đầy đủ những nội dung vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện hoặc hủy bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

3. Về kháng cáo của đương sự:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, nội dung yêu cầu hủy bản án, lý do: Kết luận và nội dung quyết định trong bản án chưa xem xét đầy đủ những nội dung vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện hoặc hủy bản án, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đầy đủ người tham gia tố tụng các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thứ hai, về tình cảm, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: chị Nguyễn Thị Đ và anh Ngô Thừa H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 1994, năm 1999 đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống: sau khi kết hôn hai vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai người tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, mặt khác anh H thường xuyên rượu chè, chơi bời không quan tâm đến gia đình và mỗi lần uống rượu về anh H lại có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập chị Đ, chị Đ nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng kéo dài, hiện tại hai người đã ly thân nhau từ khoảng tháng 01/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị Đ thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H; anh Ngô Thừa H cũng thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh uống rượu không làm chủ được bản thân nên có hành vi bạo lực gia đình và anh cho biết có lần chị Đ cũng đánh lại anh và hai người đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, anh cũng thừa nhận anh không còn tình cảm với chị Đ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn ly hôn và xử cho chị Đ và anh H được ly hôn là có căn cứ.

Thứ ba, về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Bị đơn anh Ngô Thừa H có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Tòa án cấp sơ thẩm đã hướng dẫn anh H làm đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng anh H từ chối làm đơn và cũng không nộp tài liệu chứng cứ gì. Cấp sơ thẩm dành cho các đương sự khởi kiện bằng vụ án khác là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hyêu cầu cấp phúc thẩm phải chia tài sản chung cho anh và chị Đ khi vợ chồng ly hôn. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Dân sự, cấp phúc thẩm không xem xét nội dung này.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 36/2022/HNGĐ-ST ngày: 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của anh H không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Thừa H; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 36/2022/HNGĐ-ST ngày: 23/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Ngô Thừa H.

2- Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Ngô Thừa H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010060 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Quảng Yên;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- CCTHADS thị xã Quảng Yên;
- Lưu: VP - HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng